

THƯ MỤC

TẠP CHÍ KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN SỐ 254 THÁNG 8 NĂM 2018

Trung tâm Thông tin Thư viện trân trọng giới thiệu Thư mục Tạp chí Kinh tế và Phát triển số 254 tháng 8 năm 2018.

1. Tài chính vi mô với mục tiêu giảm nghèo tại Việt Nam/ Bùi Văn Trinh, Đoàn Thị Thanh Hòa// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 254 tháng 8/2018 .- Tr. 2 – 9

Tóm tắt: Khu vực tài chính vi mô có vai trò ngày càng quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế nói chung và công cuộc xóa đói, giảm nghèo nói riêng. Tuy nhiên, thành công trong quá trình hoạt động của các tổ chức tài chính vi mô phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau. Thời gian qua, dưới tác động của nhiều yếu tố như quy định chưa phù hợp, rủi ro cao, khả năng sinh lợi thấp, năng lực quản lý hạn chế,... đã dẫn đến hoạt động của khu vực này còn gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, cùng với sự quan tâm, hỗ trợ từ Chính phủ để giải quyết các vấn đề xã hội như nghèo đói; chênh lệch mức sống giữa thành thị và nông thôn;... đã và đang mở ra lối đi mới cho sự phát triển của khu vực này tại Việt Nam. Vì thế, bài viết này nhằm phác họa những đóng góp của khu vực tài chính vi mô vào mục tiêu giảm nghèo bền vững tại Việt Nam, từ đó đề xuất một số giải pháp để các tổ chức này ngày càng phát triển ổn định hơn.

Từ khóa: Giảm nghèo; Tài chính vi mô; Việt Nam

2. Khoảng cách thu nhập theo giới của lao động làm công ăn lương tại Việt Nam giai đoạn 2012-2014/ Nguyễn Hoàng Oanh, Hoàng Thu Hằng// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 254 tháng 8/2018 .- Tr. 10 – 20

Tóm tắt: Hiện nay, tình trạng chênh lệch thu nhập theo giới còn rất phổ biến, đặc biệt ở những nền kinh tế đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Điều này dẫn tới tình trạng các nguồn lực và các lợi ích phát triển được phân phối một cách phi hiệu quả và không công bằng, gây cản trở tăng trưởng bền vững. Bài viết này sử dụng phương pháp phân rã Blinder-Oaxaca dựa trên bộ số liệu Điều tra mức sống hộ gia đình để tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến khoảng cách thu nhập theo giới của nhóm lao động làm công ăn lương ở Việt Nam giai đoạn 2012- 2014. Kết quả thực nghiệm cho thấy có sự chênh lệch thu nhập giữa lao động nữ và nam; các yếu tố làm giảm khoảng cách thu nhập theo giới gồm khu vực thành thị – nông thôn, trình độ học vấn, ngành, nghề, hình thức sở hữu,...; các yếu tố làm gia tăng khoảng cách thu nhập theo giới gồm dân tộc, tình trạng hôn nhân và các yếu tố không quan sát được như định kiến giới và nhận thức hạn chế về bình đẳng giới của xã hội.

Từ khóa: Phương pháp Blinder-Oaxaca; Bình đẳng giới; Khoảng cách thu nhập theo giới; Chênh lệch thu nhập

3. Nhận thức và sự thích ứng với biến đổi khí hậu của người dân tộc thiểu số vùng núi Đông Bắc Việt Nam/ Bùi Thị Minh Hằng// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 254 tháng 8/2018 .- Tr. 21 – 30

Tóm tắt: Bài viết phân tích nhận thức về biến đổi khí hậu của các hộ dân tộc thiểu số và những biện pháp mà các hộ áp dụng nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu. Số liệu thu thập thông qua điều tra phỏng vấn 108 hộ dân tộc Kinh và 182 hộ dân tộc thiểu số tại Bắc Kạn và Tuyên Quang. Trên cơ sở so sánh với các hộ dân tộc Kinh, nghiên cứu chỉ ra những hạn chế về nguồn lực, nhận thức và sự thích ứng của các hộ dân tộc thiểu số. Cả hai nhóm hộ đều áp dụng nhiều biện pháp thích ứng khác nhau. Các biện pháp thích ứng phổ biến trong sản xuất nông nghiệp gồm thay đổi lịch canh tác, đa dạng hóa cây trồng, chuyển đổi sang cây trồng mới có khả năng thích nghi tốt hơn. Ngoài những đặc điểm kinh tế - xã hội, khả năng tiếp cận dịch vụ khuyến nông và mức độ nhận thức về biến đổi khí hậu là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến việc áp dụng các biện pháp thích ứng của các hộ dân tộc thiểu số.

Từ khóa: Thích ứng; Biến đổi khí hậu; Dân tộc thiểu số; Nông dân; Nhận thức

4. Hiệu quả kỹ thuật trong khai thác thủy sản: Trường hợp nghề cá xa bờ tại Tỉnh Khánh Hòa/ Lê Kim Long, Nguyễn Đăng Đức// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 254 tháng 8/2018 .- Tr. 31 – 39

Tóm tắt: Chính phủ Việt Nam đã và đang giành nhiều hỗ trợ, như hỗ trợ dầu và tín dụng đóng mới/ hoán cải tàu công suất lớn, để phát triển các nghề cá xa bờ. Nghiên cứu này sử dụng cách tiếp cận DEA (Data Envelopment Analysis) để tính toán hiệu quả kỹ thuật (Technical efficiency - TE) theo định hướng đầu vào của nghề cá xa bờ của tỉnh Khánh Hòa trong năm sản xuất 2015-2016. Kết quả cho thấy bình quân các đầu vào của sản xuất của nghề cá (công suất máy, dầu, số ngày lao động trên biển) hiện đang lãng phí ở mức 12,2%. Hoạt động của nghề cá xa bờ Khánh Hòa cho thấy yếu tố quy mô tàu đang có ảnh hưởng ngược chiều đến hiệu quả kỹ thuật. Hơn nữa, trình độ ngư dân là tương đối thấp. Để hướng đến một nghề cá xa bờ hiện đại và bền vững, các chính sách hỗ trợ hiện tại cần được rà soát lại thận trọng và đồng thời, các chính sách khuyến khích hợp tác trong sản xuất, đào tạo nguồn nhân lực, điều tra về nguồn lợi và tiếp cận tín dụng chính thức cho chi phí vận hành sản xuất của nghề cá xa bờ cũng cần được chú trọng.

Từ khóa: Hiệu quả kỹ thuật; Nghề cá xa bờ; DEA

5. Đo lường tác động của lan toả công nghệ, phân phối lại và cạnh tranh đến năng suất các doanh nghiệp ngành chế tác Việt Nam/ Phùng Mai Lan, Nguyễn Khắc Minh// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 254 tháng 8/2018 .- Tr. 40 – 49

Tóm tắt: Mục tiêu của nghiên cứu này tập trung đo lường hiệu ứng cạnh tranh từ các doanh nghiệp công nghệ cao và từ các doanh nghiệp thị phần tăng trong quá trình phân phối lại. Nghiên cứu này được cải biên từ phân rã năng suất tĩnh và động của Olley-Pakes. Áp dụng vào ngành chế tác Việt Nam giai đoạn 2012-2016, nghiên cứu đã chỉ ra hiệu ứng cạnh tranh trong quá trình phân phối lại đóng vai trò quan trọng nhất trong khi sự rút lui của các doanh nghiệp gây thiệt hại nhất tới tăng trưởng năng suất gộp của ngành. Tác động lan tỏa từ các doanh nghiệp có công nghệ cao mạnh hơn là từ các doanh nghiệp có thị phần tăng. Và khả năng học hỏi và đổi mới công nghệ trong nội bộ các doanh nghiệp chế tác Việt Nam còn rất hạn chế.

Từ khóa: Ngành chế tác; Phân rã năng suất; Quá trình phân bổ lại; Lan tỏa công nghệ

6. Ảnh hưởng của chứng nhận tiêu chuẩn đến kết quả hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam/ Nguyễn Khắc Hiếu, Nguyễn Thị Anh Vân// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 254 tháng 8/2018 .- Tr. 50 – 60

Tóm tắt: Bài viết này nghiên cứu ảnh hưởng của chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng quốc tế và chứng nhận tiêu chuẩn môi trường đến kết quả hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam. Phương pháp hồi quy OLS được sử dụng với dữ liệu được thu thập từ hai cuộc điều tra doanh nghiệp nhỏ và vừa của Việt Nam vào năm 2013 và 2015 với 2097 quan sát. Kết quả ước lượng cho thấy, chứng nhận chất lượng quốc tế có ảnh hưởng tích cực đến suất sinh lời trên tài sản (ROA) và suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) của doanh nghiệp. Tuy nhiên, chứng nhận tiêu chuẩn môi trường không có ảnh hưởng đến ROA và ROE của doanh nghiệp. Từ kết quả nghiên cứu, một số hàm ý chính sách được đề xuất nhằm nâng cao kết quả hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam.

Từ khóa: Chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng quốc tế; Chứng nhận tiêu chuẩn môi trường; Kết quả hoạt động; Doanh nghiệp nhỏ và vừa

7. Các nhân tố tác động đến tín dụng ngân hàng: Bằng chứng thực nghiệm tại các ngân hàng thương mại Việt Nam/ Nguyễn Thanh Hà, Bùi Huy Tùng// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 254 tháng 8/2018 .- Tr. 61 – 70

Tóm tắt: Bài viết phân tích các yếu tố tác động đến tín dụng ngân hàng của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam giai đoạn 2007 – 2015. Khác với các nghiên cứu trước cùng chủ đề sử dụng phương pháp hồi quy gộp, ở nghiên cứu này, tác giả kết hợp các mô hình ước lượng với dữ liệu bảng là hồi quy gộp (Pooled Regression), hiệu ứng cố định FEM, hiệu ứng ngẫu nhiên REM, mô men tổng quát dạng sai phân DGMM. Kết quả nghiên cứu thực nghiệm cho thấy cả yếu tố đặc thù và vĩ mô đều tác động đến tín dụng của ngân hàng trong đó, quy mô tài sản, vốn chủ sở hữu, tốc độ tăng trưởng GDP tác

động cùng chiều còn tỷ lệ lạm phát tác động ngược chiều. Từ đó, tác giả đưa ra một số đề xuất đến ngân hàng và các nhà hoạch định chính sách liên quan chủ đề này.

Từ khóa: Tín dụng ngân hàng; Yếu tố đặc thù; Yếu tố vĩ mô

8. Tác động của rủi ro tín dụng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các Ngân hàng Thương mại Việt Nam/ Phạm Thị Kiều Khanh, Phạm Thị Bích Duyên// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 254 tháng 8/2018 .- Tr. 71 – 80

Tóm tắt: Bài viết nghiên cứu tác động của rủi ro tín dụng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam. Nhóm tác giả sử dụng dữ liệu bảng không cân đối của 27 ngân hàng thương mại trong giai đoạn 2004 – 2016 và tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) làm biến phụ thuộc đại diện cho hiệu quả hoạt động kinh doanh ngân hàng. Các phương pháp hồi quy được sử dụng bao gồm: phương pháp bình phương bé nhất (OLS), mô hình hiệu ứng cố định (FEM), mô hình hiệu ứng ngẫu nhiên (REM) và phương pháp bình phương tối thiểu tổng quát (GLS) cho ra kết quả rủi ro tín dụng và cụ thể là tỷ lệ nợ xấu và tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng có tác động tiêu cực đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại Việt Nam. Ngoài ra, bài viết còn sử dụng biến tương tác giữa rủi ro tín dụng và việc thành lập Công ty quản lý tài sản (VAMC), mục đích để đánh giá sự khác biệt trong tác động của rủi ro tín dụng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh trước và sau khi thành lập VAMC.

Từ khóa: Hiệu quả hoạt động kinh doanh; Ngân hàng thương mại; Rủi ro tín dụng

9. Quản trị công ty và công bố thông tin trách nhiệm xã hội tại các Ngân hàng Thương mại Việt Nam/ Nguyễn Vĩnh Khương// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 254 tháng 8/2018 .- Tr. 81 – 89

Tóm tắt: Nghiên cứu được thực hiện nhằm cung cấp bằng chứng thực nghiệm về mức độ tác động của quản trị công ty đến công bố thông tin trách nhiệm xã hội của các ngân hàng Việt Nam. Dựa vào dữ liệu từ 28 ngân hàng thương mại Việt Nam trong khoảng thời gian 2014-2016, bằng phương pháp nghiên cứu định lượng, nhóm tác giả kết luận quản trị công ty có ảnh hưởng đến công bố thông tin trách nhiệm xã hội của ngân hàng thương mại Việt Nam. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đưa ra hàm ý đối với các ngân hàng thương mại, cơ quan quản lý và góp phần làm minh bạch thông tin báo cáo tài chính.

Từ khóa: Ngân hàng thương mại; Quản trị công ty; Công bố thông tin trách nhiệm xã hội

10. Ảnh hưởng của phong cách lãnh đạo chuyển đổi và phong cách lãnh đạo chia sẻ lên hành vi chia sẻ kiến thức trong nhóm/ Trần Thị Bích Hạnh, Vũ Anh Dũng, Phạm Thị Liên// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 254 tháng 8/2018 .- Tr. 90 – 98

Tóm tắt: Nghiên cứu tập trung tìm hiểu ảnh hưởng của phong cách lãnh đạo chuyển đổi và phong cách lãnh đạo chia sẻ tới hành vi chia sẻ kiến thức trong nhóm, đồng thời đánh

giá vai trò trung gian của sự quyết tâm theo đuổi mục tiêu nhóm trong mối quan hệ này. Số liệu thu thập từ 197 nhân viên của 8 công ty tại Việt Nam cho thấy cả phong cách lãnh đạo chuyên đổi và phong cách lãnh đạo chia sẻ đều có ảnh hưởng quan trọng lên hành vi chia sẻ kiến thức trong nhóm. Tuy nhiên, phong cách lãnh đạo chia sẻ có hệ số ảnh hưởng lớn hơn phong cách lãnh đạo chuyên đổi. Ngoài ra, sự quyết tâm theo đuổi mục tiêu nhóm đóng vai trò trung gian quan trọng trong ảnh hưởng của hai phong cách lãnh đạo lên hành vi chia sẻ kiến thức trong nhóm. Kết quả nghiên cứu có đóng góp vào cơ sở lý thuyết về lãnh đạo và có giá trị đối với các nhóm làm việc trong các doanh nghiệp tại Việt Nam nói riêng và các nước trong khu vực nói chung.

Từ khóa: Phong cách lãnh đạo chia sẻ; Hành vi chia sẻ kiến thức trong nhóm; Quyết tâm theo đuổi mục tiêu nhóm; Phong cách lãnh đạo chuyên đổi

11. Tác động của việc sử dụng công cụ hỗ trợ bán hàng đến hiệu suất bán hàng của nhân viên: Nghiên cứu trường hợp tại các doanh nghiệp ở Thành phố Cần Thơ/ Lê Thị Thu Trang, Lưu Tiến Thuận// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 254 tháng 8/2018 .- Tr. 99 – 108

Tóm tắt: Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm xem xét mức độ tác động của việc sử dụng các công cụ hỗ trợ bán hàng đến hiệu suất bán hàng của nhân viên tại các doanh nghiệp ở thành phố Cần Thơ. Phương pháp chọn mẫu là phi xác suất với cỡ mẫu là 215 nhân viên bán hàng. Nghiên cứu sử dụng phân tích Cronbach's alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích nhân tố khẳng định (CFA) và phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM). Kết quả nghiên cứu cho thấy, việc sử dụng công cụ hỗ trợ bán hàng sẽ có tác động tích cực và gián tiếp đến hiệu suất bán hàng của nhân viên tại các doanh nghiệp qua nhân tố môi trường khách hàng và phối hợp trong nội bộ. Bài nghiên cứu đóng góp và cung cấp bằng chứng thực nghiệm về ích lợi của việc sử dụng công cụ hỗ trợ bán hàng đến hiệu suất bán hàng của nhân viên.

Từ khóa: Hệ thống tự động hóa bán hàng; Hiệu suất bán hàng; Nhân viên bán hàng; Thành phố Cần Thơ

Trung tâm Thông tin Thư viện